

Số: /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-BCT ngày 2/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1846/TTr-SCT ngày 07/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 110 thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh (Đ/c Vinh);
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Thiên);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (N).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phùng Thành Vinh

DANH MỤC

**Thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến
toàn trình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp giải quyết
I	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu		
1	1.001419	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	UBND tỉnh
2	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	UBND tỉnh
3	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	UBND tỉnh
4	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	UBND tỉnh
5	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	UBND tỉnh
6	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	UBND tỉnh
7	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	UBND tỉnh
8	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	UBND tỉnh
9	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	UBND tỉnh
10	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	UBND tỉnh
11	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	UBND tỉnh
12	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	UBND tỉnh
13	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	UBND tỉnh
14	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	UBND tỉnh
15	1.000400	Cấp Chứng thư xuất khẩu	UBND tỉnh
II	Lĩnh vực Thương mại điện tử		
16	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	UBND tỉnh

17	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	UBND tỉnh
18	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	UBND tỉnh
19	1.003390	Thông báo ứng dụng Thương mại điện tử bán hàng	UBND tỉnh
20	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	UBND tỉnh
III	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động		
21	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
22	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
IV	Lĩnh vực Điện lực		
23	1.013406	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	UBND tỉnh
24	1.013407	Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
25	1.013408	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	UBND tỉnh
26	1.013410	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	UBND tỉnh
27	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	UBND tỉnh
28	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	UBND tỉnh
29	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	UBND tỉnh
30	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	UBND tỉnh
V	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
31	1.001335	Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá	UBND tỉnh
32	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	UBND tỉnh
33	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	UBND tỉnh
34	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu,	UBND tỉnh

		di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	
35	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
36	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	UBND tỉnh
VI	Lĩnh vực Hóa chất		
37	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
38	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
39	2.001585	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
40	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3	UBND tỉnh
41	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	UBND tỉnh
42	1.004031	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	UBND tỉnh
43	2.000431	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	UBND tỉnh
44	2.000257	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	UBND tỉnh
VII	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
45	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	UBND tỉnh
VIII	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại		
46	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại ở nước ngoài	UBND tỉnh
47	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	UBND tỉnh
48	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	UBND tỉnh
49	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	UBND tỉnh
50	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	UBND tỉnh
51	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	UBND tỉnh

52	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	UBND tỉnh
53	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	UBND tỉnh
IX	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
54	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	UBND tỉnh
X	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp		
55	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	UBND tỉnh
56	2.000631	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	UBND tỉnh
57	2.000619	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	UBND tỉnh
58	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	UBND tỉnh
59	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	UBND tỉnh
60	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	UBND tỉnh
XI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
61	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	UBND tỉnh
62	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	UBND tỉnh
63	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	UBND tỉnh
64	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	UBND tỉnh
XII	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
65	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
66	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
67	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
68	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu	UBND tỉnh
69	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	UBND tỉnh
70	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	UBND tỉnh

71	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	UBND tỉnh
72	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	UBND tỉnh
73	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
74	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
75	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
76	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
77	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
78	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	UBND tỉnh
79	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
80	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
81	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	UBND tỉnh
82	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh
83	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh
84	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh
85	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	UBND cấp xã
86	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	UBND cấp xã
87	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	UBND cấp xã
88	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	UBND cấp xã
89	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	UBND cấp xã
90	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	UBND cấp xã
91	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	UBND cấp xã
92	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	UBND cấp xã

93	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	UBND cấp xã
XIII	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm, hàng hóa		
94	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	UBND tỉnh
95	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	UBND tỉnh
96	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	UBND tỉnh
97	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	UBND tỉnh
98	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	UBND tỉnh
99	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	UBND tỉnh
100	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	UBND tỉnh
101	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	UBND tỉnh
102	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	UBND tỉnh
103	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	UBND tỉnh
104	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	UBND tỉnh
105	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	UBND tỉnh
106	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	UBND tỉnh
107	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	UBND tỉnh
108	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	UBND tỉnh
109	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	UBND tỉnh
XIV	Lĩnh vực Thương mại quốc tế		
110	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN